TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 490/2024/DS-PT
Ngày: 20/9/2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Hữu Tính**.

Các thẩm phán: Ông **Võ Trung Hiếu**.

Ông **Võ Thanh Bình**.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Thủy** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 329/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng dịch vụ"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 10/5/2024 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2024/QĐXXPT-DS ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1962 (*có mặt);*

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Ông **Đoàn Hữu V**, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: số I ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Thị V1**, sinh năm 1985 (*có mặt).*

Địa chỉ: số B N, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đoàn Hữu V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày*:

Ông Đoàn Hữu V có tham gia ủy quyền cho một người ở cùng xóm bà nên bà có biết ông V. Bà có vụ án tranh chấp do bà là nguyên đơn khởi kiện Trần

Thị Ngọc A, Trần Văn P và Trần Văn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và lối đi, đang được TAND huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang thụ lý năm 2020. Qua trao đổi, ông V kêu bà làm ủy quyền cho ông và đảm bảo thắng kiện, ông còn thề thốt nên bà tin tưởng và đã ký hợp đồng với ông V bằng hợp đồng dân sự về việc thực hiện dịch vụ pháp lý do ông V soạn thảo, bà ký tên và đưa tiền cho ông V tại nhà ông V, giá thỏa thuận là 20.000.000 đồng, ông V có đưa hợp đồng cho bà, do là dân quê nên bà không kiểm tra, khi khởi kiện ông Vũ B mới tìm lại thì thấy là bản phô tô (không phải chữ ký chính) và không có ghi ngày tháng, bà đã nhờ người khác ghi vào ngày 21/10/2021 khi nộp hồ sơ khởi kiện. Sau đó bà và ông V có đến UBND xã (không biết xã nào ở M) ký giấy tờ với ông V mà bà không nhớ đã ký các giấy tờ gì.

Sau khi ký hợp đồng với ông V thì sau đó mỗi lần TAND huyện Tân Phú Đông triệu tập giải quyết bà muốn đi cùng thì ông V không cho và đều nói nếu bà đi thì ông V sẽ không đi, vì vậy bà đã không đi cùng. Ngay sau khi TAND huyện Tân Phú Đông xét xử, thì ông V có điện thoại kêu bà ra, hẹn gặp ở quán nước, ông V nói sẽ kháng cáo lên cấp tỉnh và kêu bà đưa thêm 20.000.000 đồng, bà không đồng ý đưa thêm tiền, cả hai ra về, từ đó về sau ông V không có liên lạc gì với bà. Một thời gian sau (bà không nhớ ngày tháng), có điện thoại gọi cho bà nói là TAND tỉnh Tiền Giang hẹn bà đến Tòa án để giải quyết vụ án của bà, do có ủy quyền cho ông V nên bà có điện thoại báo cho ông V biết thì ông V nói nếu bà đi thì ông V sẽ không đi nên bà đã không đi. Ông V có đi và sau đó có điện thoại báo cho bà biết là bên kia có đi 03 người rồi tắt máy chứ không nói gì thêm. Khoảng 01 tháng sau, bà có yêu cầu ông V trả hồ sơ cho bà để bà tiếp tục khiếu nại nhưng ông V không đưa, vì vậy bà đến TAND tỉnh để hỏi thăm về vụ án của bà đã giải quyết như thế nào mà ông V không cho bà đi cùng. Khi đến TAND tỉnh thì bà được cấp Quyết định số 06/2022/QĐ-PT ngày 15/4/2022, bà có liên lạc với ông V thì ông V chỉ nói những chuyện bức xúc của ông về vụ án chứ không nói gì về việc để quá hạn hồ sơ của bà, bà có nói sẽ đi thưa thì ông V còn nói nếu đi thưa sẽ bị ở tù. Ông V cũng không có đưa cho bà bản án của TAND huyện Tân Phú Đông xét xử nên đến nay bà vẫn chưa biết nội dung (do bà suy nghĩ đã ủy quyền cho ông V nên không dám đến để xin nhận).

Nay, bà khởi kiện yêu cầu ông V phải hoàn trả lại cho bà số tiền 20.000.000 đồng, với lý do ông V không hoàn thành hợp đồng với bà, nộp đơn quá hạn không được TAND tỉnh chấp nhận, như vậy ông V phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

** Bị đơn ông Đoàn Hữu V trình bày:*

Vào ngày 21/10/2021 ông Đoàn Hữu V và bà Nguyễn Thị H có ký kết một hợp đồng dân sự thực hiện dịch vụ pháp lý, đồng thời ký giấy ủy quyền cho ông V làm người đại diện theo ủy quyền để bảo vệ quyền lợi cho bà H là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất và quyền về lối đi qua bất động sản liền kề" giữa bà H và bị đơn là các ông (bà) Trần Thị Ngọc A, Trần Văn P, Trần Văn T với phí dịch vụ là 20.000.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng thực hiện dịch vụ pháp lý và làm đại diện ủy quyền cho bà H thì ông V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện ủy quyền, tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho bà H. Vụ án của bà H đã được giải quyết bằng Bản án số 13/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy ông V đã hoàn thành với vai trò là người đại diện ủy quyền, thực hiện theo đúng hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông V không đồng ý.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 5, Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513, Điều 517, Điều 519, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Đoàn Hữu V hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng.

1.2. Buộc ông Đoàn Hữu V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bị đơn chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí:* Bị đơn Đoàn Hữu V phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, bị đơn ông Đoàn Hữu V có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn ông Đoàn Hữu V là bà Phan Thị V1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố M về án phí dân sự theo hướng miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ông Đoàn Hữu V; giữ nguyên các phần khác của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Đoàn Hữu V phải hoàn trả lại cho bà số tiền phí hợp đồng dân sự về việc thực hiện dịch vụ pháp lý là 20.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng dịch vụ" theo quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 10/5/2024, Tòa án thành phố M ban hành bản án số 65/2024/DS-ST đến ngày 23/5/2024, bị đơn Đoàn Hữu V nộp đơn kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của ông V còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo: Ông Đoàn Hữu V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, xét thấy:

[3.1]. Qua thừa nhận của các bên đương sự khẳng định giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Hữu V có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý, ông V là đại diện theo ủy quyền của bà H tham gia tố tụng, ông V có nhận của bà H 20.000.000 đồng nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo hợp đồng dân sự được ký kết giữa ông Đoàn Hữu V (bên A) và bà Nguyễn Thị H (bên B) cũng như giấy ủy quyền giữa hai bên thì ông V sẽ thực hiện dịch vụ pháp lý cho bà H trong vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất và mở lối đi" giữa nguyên đơn là bà H, bị đơn là Trần Văn P, Trần Văn T, Trần Thị Ngọc A, vụ án đang được Tòa án nhân dân (TAND) huyện T, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết. Theo đó, ông V sẽ thực hiện dịch vụ pháp lý cho bà H từ cấp xã đến cấp tỉnh.

[3.3]. Xét quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên: Bà H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ông V như cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ kiện cho ông V, trả toàn bộ chi phí hợp đồng trước cho ông V là 20.000.000 đồng. Ông V đã thực hiện đúng hợp đồng với bà H tại TAND huyện Tân Phú Đông, ông đã tham gia phiên tòa ngày 25/02/2022 với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà H. Tại phiên tòa sơ thẩm ông có mặt nhưng đến ngày 23/3/2022 ông mới làm đơn kháng cáo nên đã quá thời hạn kháng cáo. Hậu quả, Quyết định số 06/2022/QĐ-PT ngày 15/4/2022 của TAND tỉnh Tiền Giang đã không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn và nhận định lỗi hoàn toàn thuộc về ông Đoàn Hữu V là đại diện hợp pháp của bà H đã không thực hiện đúng trách

nhiệm của người được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 16/3/2021, việc kháng cáo quá hạn là lỗi chủ quan của ông V.

[3.4]. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông V chưa thực hiện đầy đủ hợp đồng dân sự cũng như giấy ủy quyền đã ký kết với bà H. Ông V kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[4]. Về án phí: Bị đơn ông Đoàn Hữu V có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí với lý do là người cao tuổi. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông V.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 5, Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513, Điều 517, Điều 519, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Hữu V; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 10/5/2024, của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Đoàn Hữu V hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng.

1.2. Buộc ông Đoàn Hữu V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bị đơn ông Đoàn Hữu V chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị H. Ông Đoàn Hữu V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Công bố bản án CTTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

DSPT-2024-T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính